

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S; nơi cư trú: Số 27/24/562, NVL, phường VN, Quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn L; nơi cư trú: Thôn HT, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị S trình bày: Chị và anh Vũ Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày ngày 30-3-2007. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh L chơi bời, không chịu lao động. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào cuối năm 2019 do chị mâu thuẫn với bố mẹ chồng, mặt khác kinh tế vợ chồng khó khăn

nên gia đình đã xảy ra bất hoà. Từ cuối năm 2019 đến nay chị đã về gia đình ở phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị S xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn L.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn L có 02 con chung là Vũ Quốc K, sinh ngày 16-12-2007 và Vũ Thanh T, sinh ngày 12-6-2014. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Vũ Thanh T cho chị nuôi dưỡng, giao con Vũ Quốc K cho anh L nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh L .

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, các văn bản khác và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn L xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Đỗ Thị S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, bản thân anh sức khỏe yếu không lao động được nên vợ chồng đã xảy ra bất hòa. Chị S đã bỏ về gia đình ở phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng sinh sống. Từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị Đỗ Thị S xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị S có 02 con chung là Vũ Quốc K, sinh ngày 16-12-2007 và Vũ Thanh T, sinh ngày 12-6-2014. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị S nuôi con Vũ Thanh T, đề nghị Tòa án giao con Vũ Quốc K cho anh nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị S .

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp L tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ L Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp L tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp L . Bị đơn không nộp bản tự khai, không tham gia đầy đủ các phiên họp, phiên hòa giải. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của L hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn với anh Vũ Văn L. Về con chung: Giao con Vũ Quốc K, sinh ngày 16-12-2007 cho anh Vũ Văn L nuôi dưỡng, giao con Vũ Thanh T, sinh ngày 12-6-2014 cho chị Đỗ Thị S nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Vũ Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn HT, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ L Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, anh Vũ Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ L Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn L.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 30-3-2007, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị hoà thuận đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế nên đã xảy ra bất hòa. Từ cuối năm 2019 đến nay chị S đã về gia đình ở phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị S xác nhận tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L . Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đồng ý ly hôn với chị S . Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Đỗ Thị S xin ly hôn với anh Vũ Văn L phù hợp với khoản 1 Điều 56 của L Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L có hai con chung là Vũ Quốc K, sinh ngày 16-12-2007 và Vũ Thanh T, sinh ngày 12-6-2014. Khi ly hôn, chị S đề nghị Tòa án giao con Vũ Thanh T cho chị nuôi dưỡng, giao con Vũ Quốc K cho anh L nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đồng ý việc nuôi con theo yêu cầu của chị S. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh L và chị S đều có nơi ở và thu nhập, con chung Vũ Quốc K trên 07 tuổi có nguyện vọng xin được ở với anh L, con chung Vũ Thanh T còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao con Vũ Thanh T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Vũ Quốc K cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của L Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị S và anh L tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ L Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của L Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ L Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn với anh Vũ Văn L.
2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thanh T, sinh ngày 12-6-2014, cho chị Đỗ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Quốc K, sinh ngày 16-12-2007 cho anh Vũ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp L. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị S và anh Vũ Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị S đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008167 ngày 22-5-2020. Chị Đỗ Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 L thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 L thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã VQ, huyện VB thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền